

# Hướng dẫn cách tính thuế thu nhập cá nhân năm 2020

## Hướng dẫn cách tính thuế thu nhập cá nhân theo quy định mới nhất năm 2020

### (Thuế TNCN từ tiền lương - tiền công)

#### 1. Căn cứ pháp lý để tính thuế TNCN:

- + Thông tư 111/2013/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Luật Thuế TNCN.
- + Thông tư 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế TNCN và sửa đổi bổ sung thông tư 111.

#### 2. Thời điểm tính thuế TNCN:

- Là thời điểm chi trả thu nhập.

#### Ví dụ:

- + Tiền lương của tháng 12/2019 trả vào tháng 1 năm 2020 thì tính vào thu nhập chịu thuế của tháng 1 năm 2020.
- + Tiền thưởng tết dương lịch, âm lịch năm 2020, trả vào tháng 1/2020 thì cộng vào thu nhập tính thuế TNCN của tháng 1/2020

#### - Thuế TNCN là loại thuế:

- + Tính theo tháng (đối với các lao động hưởng lương tháng) hoặc theo thời điểm chi trả thu nhập (đối với các lao động thời vụ, khoán việc).
- + Khấu trừ thuế TNCN trước khi chi trả thu nhập.
- + kê khai: có theo tháng hoặc theo quý (tùy từng điều kiện của DN)
- + Quyết toán thuế TNCN: theo năm

#### 2. Phương pháp tính thuế TNCN:

Có 3 cách tính thuế TNCN từ tiền lương tiền công dành cho 3 đối tượng khác nhau:

##### \* Đối với cá nhân cư trú (thường là người Việt Nam)

- **Đối tượng 1: Ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên** thì tính thuế TNCN theo biểu lũy tiến từng phần (Từng phần thu nhập sẽ có các mức thuế khác nhau, thu nhập càng cao mức thuế suất tính thuế cũng cao theo)

- **Đối tượng 2: Ký hợp đồng lao động có thời hạn dưới 3 tháng** hoặc không ký hợp đồng: bị tính 10% trên tổng thu nhập

##### \* Đối với cá nhân không cư trú (thường là người nước ngoài)

- **Đối tượng 3: Cá nhân không cư trú:** được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (×) với thuế suất 20%.

=> Để xác định được cách tính thuế TNCN cho từng người lao động trong doanh nghiệp các bạn xác định họ là cá nhân cư trú hay không cư trú trước, sau đó nếu là cá nhân cư trú thì xét thêm thời hạn của hợp đồng là từ 3 tháng trở lên hay dưới 3 tháng (không quan tâm đến tên gọi của hợp đồng lao động).

## Hướng dẫn cách tính thuế TNCN năm 2020 cụ thể:

### I. Đối với cá nhân cư trú có ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên:

#### Thực hiện tính thuế TNCN theo biểu lũy tiến từng phần

- + Kể cả trường hợp cá nhân ký hợp đồng từ ba (03) tháng trở lên tại nhiều nơi.
- + Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên nhưng nghỉ làm trước khi kết thúc hợp đồng lao động thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập vẫn thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần. (Theo điểm b, khoản 1 điều 25 của TT 111/2013/TT-BTC).

**Công thức tính thuế TNCN theo biểu lũy tiến từng phần:**

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất.}$$

**Trong** **đó:**

a, **Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Các khoản giảm trừ**  
Mà:

- **Thu nhập chịu thuế:** là Tổng thu nhập cá nhân nhận được từ tổ chức chi trả **không bao gồm các khoản sau:**

+ **Tiền ăn giữa ca, ăn trưa:**

\* **Nếu doanh nghiệp không tự tổ chức nấu ăn** - mà chi tiền cho người lao động (phụ cấp vào lương) thì **được miễn tối đa 730.000** đồng/người/tháng (Theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

=> Nếu mức chi cao hơn quy định trên thì phần chi vượt mức phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động.

**Ví dụ 1: Tháng 1/2020** Anh Mạnh được công tyCDCphụ cấp tiền ăn trưa là 750.000/tháng. Thì Anh Mạnh được miễn 730.000.

Còn phần vượt 750.000 - 730.000 = 20.000 tính vào thu nhập chịu thuế.

**Ví dụ 2:** Chị Lan được công tyCDCphụ cấp tiền ăn trưa là 500.000/tháng. Thì chỉ được miễn 500.000 (Miễn theo thực tế chi).

\* **Nếu doanh nghiệp tự tổ chức nấu ăn**, mua phiếu ăn, xuất ăn cho nhân viên thì được **Miễn toàn bộ.**

+ **Tiền phụ cấp điện thoại:** Được miễn theo mức quy định của công ty.

Theo các công văn của Tổng cục Thuế: Công văn số 5023/TCT-TNCN ngày 30/10/2017, Công Văn Số: 5274/TCT-TNCN Ngày 09/12/2015, Công văn 1166/TCT-TNCN ngày 21/3/2016 của Tổng cục Thuế:

Trường hợp khoản chi tiền điện thoại cho cá nhân nếu được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính, Quy chế thưởng ... được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì khoản chi tiền điện thoại cho cá nhân là thu nhập **được trừ** khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN. Trường hợp đơn vị chi tiền điện thoại cho người lao động cao hơn mức khoán chi quy định thì phần chi cao hơn mức khoán chi quy định phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

**Ví dụ:** Công Ty CDCquy định phụ cấp tiền điện thoại là 300.000/tháng. Nhân viên A ký hợp đồng lao động 6 tháng (Từ T1/2020 đến hết T6/2020), trên hợp đồng thỏa thuận: tiền phụ cấp điện thoại là 300.000/tháng.

\* **Tháng 1/2020:** Nhân viên A được trả tiền phụ cấp điện thoại là: 300.000

=> Số tiền được miễn thuế TNCN: 300.000

\* **Tháng 2/2020:** Nhân viên C được trả tiền phụ cấp điện thoại là: 400.000

=> Số tiền được miễn thuế TNCN: 300.000.

=> Số tiền nhận được cao hơn quy định bị tính thuế TNCN: 100.000

**+ Phụ cấp trang phục:**

\* **Bằng hiện vật** (DN mua trang phục về phát cho nhân viên): **Miễn toàn bộ.**

\* **Bằng tiền: tối đa 5 triệu đồng/người/năm.**

\* Trường hợp doanh nghiệp có chi trang phục cả bằng tiền và hiện vật thì mức miễn tối đa đối với phần bằng tiền không vượt quá 5 triệu đồng/người/năm, bằng hiện vật Miễn toàn bộ.

**Ví dụ:** Nhân viên A được phụ cấp trang phục năm 2020 như sau:

Tiền mặt: 2 triệu và Hiện vật: 6 triệu => Số tiền được miễn thuế TNCN:

**2** (vì chưa quá 5 triệu) + **6** (vì nhận được bằng hiện vật nên được miễn hết) = **8 triệu**

**Ví dụ 6:** Nhân viên B được phụ cấp trang phục năm 2019 như sau:

Tiền mặt: 6 triệu và Hiện vật: 2 triệu

=> Số tiền được miễn thuế TNCN: 5 triệu (tiền mặt) và 2 triệu (hiện vật) = 7 triệu.

=> Số tiền bị tính thuế TNCN: 1 triệu (tiền mặt do vượt quá mức 5 triệu)

**+ Tiền công tác phí:**

\* **Trường hợp 1: Công tác phí theo chứng từ thực tế phát sinh:**

Tiền công tác phí theo thực tế phát sinh như tiền vé máy bay, tiền lưu trú, tiền taxi và tiền ăn, phòng nghỉ khách sạn, tiếp khách... Nếu có đầy đủ hóa đơn chứng từ thì khi nhận các khoản tiền công tác phí này sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân.

(Theo Công văn 1166/TCT-TNCN của Tổng Cục Thuế)

\* **Trường hợp 2: Công tác phí khoán:**

+ Được miễn theo mức doanh nghiệp đã quy định tại quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ.

+ Trường hợp đơn vị chi tiền công tác phí, tiền điện thoại cho người lao động cao hơn mức khoán chi quy định thì phần chi cao hơn mức khoán chi quy định phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

(Theo Công văn số 5023/TCT-TNCN của Tổng Cục Thuế)

**Ví dụ:** Công Ty CDC quy định mức khoán chi công tác phí trong quy chế chi tiêu nội là 300.000/ngày

+ Ngày 02/01/2020: Nhân viên A đi công tác và được nhận 300.000

=> Khoản tiền được miễn thuế TNCN của nhân viên A là: 300.000

+ Ngày 03/02/2020: Nhân viên B đi công tác, được nhận 400.000

=> Nhân viên B được miễn: 300.000. Bị tính vào thu nhập chịu thuế: 100.000 (phần vượt cao hơn so với quy định của công ty)

**+ Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn** so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ.

**Ví dụ:** ban ngày được trả 6 nghìn/h, làm thêm ban đêm được trả 10 nghìn/h thì số tiền làm thêm ban đêm nhận được có 6 nghìn phải chịu thuế, 4 nghìn vượt trội không chịu thuế.

**Còn 1 vài khoản phụ cấp khác cũng được miễn thuế hoặc không chịu thuế TNCN, các bạn vui lòng tham khảo tại đây: Các khoản phụ cấp được miễn thuế TNCN**

**+ Riêng khoản phụ cấp xăng xe, chi phí đi lại: Không được miễn thuế TNCN**

Theo Công văn số 2192/TCT-TNCN Ngày 25/5/2017 của Tổng cục Thuế ban hành về khoản khoán chi xăng xe theo mức cố định hàng tháng cho nhân viên

**Thì:**

+ Nếu phụ cấp xăng xe, chi phí đi lại thuộc về công tác phí thì được Miễn thuế TNCN

+ Còn nếu khoản tiền phụ cấp xăng xe, phụ cấp đi lại được hưởng cố định hàng tháng trên bảng lương thì khi nhận khoản tiền này sẽ bị tính vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNCN (tức là không được miễn thuế)

**- Các khoản giảm trừ bao gồm:**

+ **Giảm trừ gia cảnh:** bản thân 9.000.000 và người phụ thuộc là 3.600.000/ người (tính trên 1 tháng)

+ **Các khoản bảo hiểm bắt buộc:** Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm nghề nghiệp trong một số lĩnh vực đặc biệt.

+ Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học.

**b, Thuế suất:**

Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công được áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần:

| Bậc | Thu nhập tính thuế /tháng | Thuế suất | Tinh số thuế phải nộp            |                      |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------------|----------------------|
|     |                           |           | Cách 1                           | Cách 2               |
| 1   | Đến 5 triệu đồng (trđ)    | 5%        | 0 trđ + 5% TNTT                  | 5% TNTT              |
| 2   | Trên 5 trđ đến 10 trđ     | 10%       | 0,25 trđ + 10% TNTT trên 5 trđ   | 10% TNTT - 0,25 trđ  |
| 3   | Trên 10 trđ đến 18 trđ    | 15%       | 0,75 trđ + 15% TNTT trên 10 trđ  | 15% TNTT - 0,75 trđ  |
| 4   | Trên 18 trđ đến 32 trđ    | 20%       | 1,95 trđ + 20% TNTT trên 18 trđ  | 20% TNTT - 1,65 trđ  |
| 5   | Trên 32 trđ đến 52 trđ    | 25%       | 4,75 trđ + 25% TNTT trên 32 trđ  | 25% TNTT - 3,25 trđ  |
| 6   | Trên 52 trđ đến 80 trđ    | 30%       | 9,75 trđ + 30% TNTT trên 52 trđ  | 30 % TNTT - 5,85 trđ |
| 7   | Trên 80 trđ               | 35%       | 18,15 trđ + 35% TNTT trên 80 trđ | 35% TNTT - 9,85 trđ  |

(Bảng thuế suất lũy tiến theo Phụ lục: 01/PL-TNCN Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC)

**Sau đây Công Ty CDC sẽ lấy 1 ví dụ cụ thể để hướng dẫn các bạn từng bước thực hiện tính thuế thu nhập cá nhân cho người lao động vào năm 2020:**

**Ví dụ:** Anh Nguyễn Văn Aký hợp đồng lao động 36 tháng với Công ty CDC

- Tháng 1 năm 2020, Nguyễn Văn Anh nhận được các khoản thu nhập như sau:

+ Lương theo ngày công làm việc thực tế: **20.000.000**

+ Phụ cấp ăn trưa: **800.000**

+ Phụ cấp đi lại: **300.000**

+ Tiền thưởng: **1.000.000**

- Các thông tin khác:

+ Anh đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc trên mức lương 20 triệu. Tháng 1/2020: anh A bị trích bảo hiểm BB trừ vào lương là: **2.100.000**

+ Anh A có 1 con nhỏ và đã đăng ký người phụ thuộc tại Công ty CDC từ 01/2020

**Tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp của Anh A trong tháng 1 năm 2020**

**Bước 1:** Xác định Tổng thu nhập của Anh Thành:

Tổng thu nhập của Anh A trong tháng 1 là:  
 $20.000.000 + 800.000 + 300.000 + 1.000.000 = \mathbf{22.100.000}$

(Lưu ý: Khoản tiền thưởng (kinh doanh, đột xuất, lễ, tết...) phải tính thuế TNCN, trả vào tháng nào thì cộng vào thu nhập của tháng đó để tính)

**Bước 2:** Xác định các khoản được Miễn thuế TNCN (nằm ở các khoản phụ cấp)

Thu nhập được miễn thuế là: 730.000

**Bước 3:** Xác định thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế = Tổng thu nhập – Các khoản thu nhập miễn thuế

$$= 22.100.00 - 730.000 = \mathbf{21.370.000}$$

**Bước 4:** Xác định các khoản giảm trừ (bản thân, người phụ thuộc, bảo hiểm)

Các khoản được giảm trừ của Anh A gồm có:

+ Bản thân: 9.000.000

+ Người phụ thuộc : 3.600.000

+ Tiền đóng bảo hiểm: 2.100.000

$$\Rightarrow \text{Tổng các khoản được giảm trừ là: } 9.000.000 + 3.600.000 + 2.100.000 = \mathbf{14.700.000}$$

**Bước 5:** Xác định thu nhập tính thuế

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế – Các khoản giảm trừ

$$= 21.370.000 - 14.700.000 = \mathbf{6.670.000}$$

**Bước 6:** Xác định công thức tính thuế (theo bảng lũy tiến từng phần)

Với mức thu nhập tính thuế là: 6.670.000

$\Rightarrow$  Thuộc bậc 2  $\Rightarrow$  Công thức của bậc 2 theo cách 2 là:  $10\% * \text{TNTT} - 0,25\text{tr}$

**Bước 7: Xác định số thuế thuế thu nhập cá nhân phải nộp**

$\Rightarrow$  Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp của Anh A trong tháng 1 năm 2020 là:

$$10\% \times 6.670.000 - 250.000 = \mathbf{417.000}$$

## **II. Đối với cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hay có ký nhưng dưới 3 tháng:**

Tiến hành khấu trừ thuế TNCN theo từng lần chi trả thu nhập **từ 2.000.000 trở lên** như sau:  
- Đối với cá nhân Cư trú: khấu trừ 10% tổng thu nhập trả/lần (không phân biệt có mã số thuế hay không).

**Ví dụ:** Bạn Nguyễn Thị An, ký hợp đồng lao động thời vụ 1 tháng với công ty CDC, Lương của An gồm có: Lương chính là 4 triệu, phụ cấp tiền ăn trưa 450.000.

Tổng thu nhập của Nguyễn Thị An là: 4.500.000

Vì được trả thu nhập lớn hơn 2 triệu nên Khi trả lương cho Nguyễn Thị An, CDC sẽ phải khấu trừ tiền thuế TNCN tại nguồn 10% như sau:

$$\mathbf{\text{Thuế TNCN phải khấu trừ}} = (4.000.000 + 450.000) * 10\% = \mathbf{445.000}$$

(Tiền ăn, lương tăng ca của lao động vắng lai (ký dưới 3 tháng) không được miễn thuế TNCN

Công văn số 4217/CT-TTHT của Cục Thuế TP. HCM về thuế thu nhập cá nhân)

**Chú ý:** Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân có thu nhập làm cam kết (*Cam kết 02/CK-TNCN* - Theo mẫu tại Thông tư 92/2015/TT-BTC) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

**Ví dụ:** Công ty CDC ký hợp đồng thử việc 2 tháng (tháng 1 và 2/2020) với chị Trịnh Mỹ Tâm. Thỏa thuận mới lương là: 3.000.000/tháng cho 24 ngày làm việc

**- Tháng 1/2020:**

+ Chị Lê thị Dương đi làm 12 ngày

+ Mức lương thực nhận của tháng 1/2020:  $3.000.000 \times 13 / 24 = 1.500.000$

$\Rightarrow$  Vì mức lương thực nhận của Chị Lê thị Dương chỉ có 1.500.000 (dưới 2 triệu đồng) nên Lê thị Dương không bị khấu trừ thuế TNCN  $\Rightarrow$  Công ty CDC chỉ trả đủ 1.500.000

**- Tháng 2/2020:**

+ Chị Lê thị Dương đi làm 24 ngày  
 + Mức lương thực nhận của tháng 2/2020:  $3.000.000 \times 24 / 24 = 3.000.000$   
 Vì có mức thu nhập 3.000.000 (lớn hơn 2 triệu đồng) chị Lê thị Dương đã thực hiện làm cam kết thu nhập số 02/CK-TNCN để gửi Công ty CDC do chị Lê thị Dương đáp ứng được đầy đủ các điều kiện làm cam kết như sau:

- +/- Ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng.
- +/- Có mã số thuế TNCN tại thời điểm làm cam kết.
- +/- Ước tính thu nhập trong năm tính thuế (2019) có thu nhập chưa đến mức phải đóng thuế.
- +/- Chỉ phát sinh thu nhập tại 1 nơi duy nhất là Công ty CDC

**(Lưu ý:** nếu trong năm dương lịch trước khi vào làm việc tại Công ty, các cá nhân này đã đi làm ở nơi khác và có thu nhập tại những nơi này thì không thuộc diện được lập cam kết thu nhập thấp để tạm miễn khấu trừ thuế theo Công văn số 53094/CT-TTHT của Cục Thuế TP. Hà Nội về chính sách thuế đối với việc khấu trừ thuế TNCN)

=> Sau khi nhận được cam kết thu nhập, Công ty CDC sẽ không khấu trừ thuế TNCN của chị Lê thị Dương mà trả đủ số tiền lương của tháng 2/2019 là 3.000.000

**Cách ước tính thu nhập và mẫu cam kết thu nhập số 02/CK-TNCN các bạn xem tại đây:**

**Mẫu cam kết thu nhập cá nhân**

### III. Đối với cá nhân không cư trú:

Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%.

**Chi tiết các bạn xem tại đây: Cách tính thuế TNCN cho người nước ngoài**

### IV. Mẫu bảng tính thuế TNCN:

Hàng tháng, kế toán sẽ phải lập tính thuế TNCN cho toàn bộ người lao động đã được trả lương trong tháng:

| BẢNG TÍNH THUẾ TNCN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG        |           |                                   |                              |            |                         |                    |                    |           |             |             |                    |                                  |            |         |
|---|-----------|-----------------------------------|------------------------------|------------|-------------------------|--------------------|--------------------|-----------|-------------|-------------|--------------------|----------------------------------|------------|---------|
| Tháng 01 năm 2020                             |           |                                   |                              |            |                         |                    |                    |           |             |             |                    |                                  |            |         |
| Đơn vị tính: Việt Nam Đồng                    |           |                                   |                              |            |                         |                    |                    |           |             |             |                    |                                  |            |         |
| STT   | Họ Và Tên | Tổng Thu Nhập thực tế trong tháng | Xác Định Các khoản Miễn Thuế |            | Tổng Thu Nhập Miễn Thuế | Thu nhập chịu thuế | Các khoản Giảm trừ |           |             |             |                    | Thuế TNCN phải khấu trừ T01/2020 |            |         |
|   |           |                                   | Tiền An                      | Điện Thoại |                         |                    | Bản thân           | Người PT  | BH bắt buộc | Tổng cộng   | Thu nhập Tính thuế |                                  |            |         |
|   |           | 8=1+2+3+4+5+6+7                   | (9)                          | (10)       | 11=9+10                 | 12=8-11            | (13)               | (14)      | (15)        | 16=13-14+15 | 17=12-16           | (18)                             |            |         |
| <b>I CÁ NHÂN CƯ TRÚ</b>                       |           |                                   |                              |            |                         |                    |                    |           |             |             |                    |                                  |            |         |
| <b>A Hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên</b> |           |                                   |                              |            |                         |                    |                    |           |             |             |                    |                                  |            |         |
| 01  | MS001     | Hoàng Trung Thất                  | 19.307.692                   | 730.000    | 807.692                 | 1.537.692          | 17.770.000         | 9.000.000 | 0           | -           | 1.155.000          | 10.155.000                       | 7.615.000  | 511.500 |
| 02  | MS002     | Lã Văn Nam                        | 16.730.769                   | 730.000    | 615.385                 | 1.345.385          | 15.385.385         | 9.000.000 | 2           | 7.200.000   | 997.500            | 17.197.500                       | -1.812.115 | 0       |
| 03  | MS003     | Nguyễn Đức Việt                   | 15.157.692                   | 730.000    | 484.615                 | 1.214.615          | 13.943.077         | 9.000.000 | 1           | 3.600.000   | 840.000            | 13.440.000                       | 503.077    | 25.154  |
| 04  | MS004     | Hoàng Văn Hào                     | 10.688.462                   | 730.000    | 219.231                 | 949.231            | 9.739.231          | 9.000.000 |             |             | 577.500            | 9.577.500                        | 161.731    | 8.087   |
| 05  | MS005     | Nguyễn Thị Thuý                   | 10.935.769                   | 589.615    | 161.538                 | 751.154            | 10.184.615         | 9.000.000 |             |             | 577.500            | 9.577.500                        | 607.115    | 30.356  |
| 06  | MS006     | Đặng Thị Thuý                     | 10.112.692                   | 589.615    | 242.308                 | 831.923            | 9.280.769          | 9.000.000 |             |             | 525.000            | 9.525.000                        | -244.231   | 0       |
| 07  | MS009     | Vũ Đức Long                       | 14.319.231                   | 730.000    | 646.154                 | 1.376.154          | 12.943.077         | 9.000.000 |             |             | 787.500            | 9.787.500                        | 3.155.577  | 157.779 |
| <b>B Hợp đồng lao động dưới 3 tháng</b>       |           |                                   |                              |            |                         |                    |                    |           |             |             |                    |                                  |            |         |
| Cam kết TN                                    |           |                                   |                              |            |                         |                    |                    |           |             |             |                    |                                  |            |         |
| 08  | MS007     | Trần Tuấn Anh                     | 4.382.308                    |            |                         | 4.382.308          |                    |           |             |             |                    |                                  |            | 0       |
| 09  | MS008     | Mai Hồng Quê                      | 3.288.462                    |            |                         | 3.288.462          |                    |           |             |             |                    |                                  |            | 0       |
| 10  | MS010     | Nguyễn Văn Hiệp                   | 5.461.538                    |            |                         | 5.461.538          |                    |           |             |             |                    |                                  | 5.461.538  | 546.154 |
| 11  | MS011     | Nguyễn Đức Trung                  | 4.100.000                    |            |                         | 4.100.000          |                    |           |             |             |                    |                                  | 4.100.000  | 410.000 |
| <b>II CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ</b>                |           |                                   |                              |            |                         |                    |                    |           |             |             |                    |                                  |            |         |
| <b>Kế Toán Thiên Ưng</b>                      |           |                                   |                              |            |                         |                    |                    |           |             |             |                    |                                  |            |         |
| <b>TỔNG CỘNG (I + II)</b>                     |           |                                   |                              |            |                         |                    |                    |           |             |             |                    | <b>1.689.029</b>                 |            |         |

Vì mẫu bảng tính thuế TNCN cho tháng 1 năm 2020 trên đây khá dài nên CDC đã ẩn đi một số cột. Các bạn muốn nhìn chi tiết và đầy đủ hay tại về thì xem tại đây: [Mẫu bảng tính thuế TNCN 2020 mới nhất](#)